

Số: 8740 /VP-QTTV

Quảng Trị, ngày 06 tháng 10 năm 2026

Về việc cung cấp dịch vụ tư vấn: Dự  
án "Nâng cao năng lực chuyển đổi số  
tại Cơ quan Văn phòng UBND tỉnh  
Quảng Trị"

Kính gửi: Quý Đơn vị quan tâm

Căn cứ Quyết định số 4192/QĐ-UBND ngày 01/10/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án "Nâng cao năng lực chuyển đổi số tại Cơ quan Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị" với tổng mức đầu tư dự kiến là 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng). Để có cơ sở xác định dự toán kinh phí, phê duyệt giá gói thầu và lựa chọn đơn vị có năng lực thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành, Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị trân trọng kính mời các doanh nghiệp, đơn vị tư vấn có đầy đủ tư cách pháp nhân và năng lực kinh nghiệm tham gia báo giá chi phí dịch vụ tư vấn cho dự án, với các nội dung chi tiết như sau:

**1. Thông tin bên mời báo giá**

- Tên đơn vị: Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị.
- Địa chỉ: Số 06 Hùng Vương, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.
- Điện thoại: 0232.3823457; Email: vpubnd@quangtri.gov.vn.

**2. Thông tin chung về dự án:**

Tên dự án: Nâng cao năng lực chuyển đổi số tại cơ quan Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị.

Địa điểm thực hiện: Văn phòng UBND tỉnh, số 06 Hùng Vương, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

**3. Nội dung, yêu cầu báo giá và hồ sơ năng lực pháp lý:**

**3.1. Nội dung dịch vụ báo giá:**

| S<br>TT | Tên dịch vụ                                      | Mô tả dịch vụ                                  | Khối<br>lượng | Đơn<br>vị<br>tính |
|---------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------|-------------------|
| 1       | Dịch vụ tư vấn khảo sát Báo cáo kinh tế kỹ thuật | Tư vấn khảo sát lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật | 01            | Gói               |
| 2       | Dịch vụ tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật      | Tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật          | 01            | Gói               |
| 3       | Dịch vụ tư vấn thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật | Tư vấn thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật       | 01            | Gói               |
| 4       | Dịch vụ tư vấn thẩm định giá                     | Tư vấn Thẩm định giá                           | 01            | Gói               |

### 3.2. Yêu cầu báo giá:

- Thông tin đơn vị báo giá: Tên đơn vị, địa chỉ, mã số thuế, số điện thoại và đại diện ký tên, đóng dấu hợp pháp.
- Nội dung báo giá: Thời gian thực hiện công việc, nội dung công việc, dịch vụ theo khối lượng, đơn giá cụ thể, thời gian có hiệu lực của báo giá và chi tiết thuế, phí có liên quan.
- Báo giá phải được ký, ghi rõ họ tên, chức vụ của người có thẩm quyền và đóng dấu (nếu có).

**3.3. Hồ sơ năng lực pháp lý:** Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Quyết định thành lập) có ngành nghề kinh doanh phù hợp; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá do Bộ Tài chính cấp còn hiệu lực và danh sách các thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại đơn vị đối với báo giá tư vấn Thẩm định giá.

**4. Thời hạn hiệu lực của báo giá:** Tối thiểu 30 ngày kể từ ngày báo giá.

### 5. Thời gian, hình thức gửi báo giá

Đề nghị Quý đơn vị gửi báo giá kèm các tài liệu liên quan về Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị trước **17h00' ngày 11/10/2026**, bằng hình thức gửi online qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (*bản chụp có chữ ký và dấu đỏ, định dạng PDF*).

Mọi thông tin xin liên hệ: Ông Lê Phong Nhã, Trưởng phòng Quản trị - Tài vụ, Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị. Số điện thoại/Zalo: 0913.386.227.

Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị trân trọng cảm ơn sự quan tâm, hợp tác của Quý Đơn vị./.

#### Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh (b/c);
- Trang Đấu thầu Quốc gia;
- Cổng TTĐT tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT VP UBND tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, QTTV.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Lê Hữu Phước**



**PHỤ LỤC I**  
**DANH MỤC TÀI LIỆU**

(Kèm theo Công văn số 8740/VP-QTTV ngày 06 tháng 10 năm 2026  
của Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị)

| STT | Nội dung                                                                                                                                                                               | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | Quyết định số 4192/QĐ-UBND ngày 01/10/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nâng cao năng lực chuyển đổi số tại Cơ quan Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị | Bản sao |
| 2   | Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Nâng cao năng lực chuyển đổi số tại Cơ quan Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị số 8284/VP-BC ngày 23/9/2026                                         | Bản sao |

**PHỤ LỤC II**  
**NỘI DUNG, QUY MÔ, KHỐI LƯỢNG DỰ KIẾN**  
**CÔNG TÁC KHẢO SÁT, LẬP BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT**  
**Dự án: Nâng cao năng lực chuyển đổi số cơ quan Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị**  
*(Kèm theo Công văn số 8740/VP-QTTV ngày 06 tháng 10 năm 2026*  
*của Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị)*

Căn cứ Quyết định số 4192/QĐ-UBND ngày 01/10/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nâng cao năng lực chuyển đổi số tại cơ quan Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị, Văn phòng UBND tỉnh thông báo nội dung, quy mô, khối lượng và chi phí dự kiến công tác khảo sát, lập Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật để các đơn vị Tư vấn làm cơ sở xây dựng báo giá chi tiết, thống nhất, có thể so sánh, đánh giá theo đúng yêu cầu tại Thông tư số 39/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định lập và quản lý chi phí trong hoạt động đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ cho chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước.

**I. Quy mô, phạm vi khảo sát, lập Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật.**

**1. Phạm vi đơn vị, địa bàn khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật**

Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị, bao gồm: phòng họp Tầng 3, khu vực Tầng 1, Hội trường và phòng Khánh tiết; khu vực lắp đặt thiết bị mạng, tủ rack và hệ thống cáp kết nối; các phòng, bộ phận chuyên môn của Lãnh đạo và chuyên viên có liên quan trực tiếp đến việc sử dụng, khai thác trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành tại Văn phòng UBND tỉnh.

**2. Phạm vi hệ thống, lĩnh vực khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật**

Khảo sát phục vụ đầu tư các hạng mục thuộc quy mô dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 4192/QĐ-UBND ngày 01/10/2026, gồm 04 nhóm hạng mục:

- Nhóm I - Thiết bị phòng họp và hội trường: 01 hệ thống màn hình LED phòng họp Tầng 3; 01 hệ thống màn hình LED Tầng 1; khoảng 03 máy tính xách tay phòng họp phục vụ họp trực tuyến; 02 bộ kết nối không dây xử lý hình ảnh chuẩn Wi-Fi 6; 03 bộ điều khiển trung tâm micro; 30 hộp đại biểu kèm micro; 02 tivi 85 inch 4K (Tầng 1) và 05 tivi 65 inch 4K (Hội trường); hệ thống âm thanh phòng Khánh tiết (01 âm ly chuyên dụng, 01 bàn digital mixer từ 16 kênh trở lên, 02 micro rùa); 02 tủ rack âm thanh 19 inch từ 12U; các bộ gộp/chia HDMI; vật tư phụ và nhân công lắp đặt hoàn thiện; khoảng 15 máy tính bảng phục vụ Lãnh đạo họp không giấy; 01 máy in phun màu đa chức năng A3; 04 máy photocopy A3 đa chức năng tốc độ cao;

- Nhóm II - Trang thiết bị văn phòng và thiết bị đầu cuối: Khoảng 43 máy tính xách tay (trong đó khoảng 36 máy dành cho chuyên viên và 07 máy soạn thảo văn bản mật); khoảng 09 bộ máy tính để bàn; 03 máy scan;

- Nhóm III - Hạ tầng mạng và kết nối: khoảng 08 thiết bị chuyển mạch; 04 bộ phát Wi-Fi 6 chuyên dụng quản trị tập trung; 10 bộ thu USB Wi-Fi 6 cho các máy tính để bàn; vật tư phụ và nhân công lắp đặt hoàn thiện;

- Nhóm IV - Phần mềm bản quyền: khoảng 95 bộ bản quyền hệ điều hành Microsoft Windows; 95 gói bản quyền phần mềm văn phòng Microsoft Office.

### **3. Phạm vi dữ liệu, quy trình nghiệp vụ khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật**

Hiện trạng trang thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị phòng họp - hội trường, hạ tầng mạng nội bộ và bản quyền phần mềm đang sử dụng tại Văn phòng UBND tỉnh; các quy trình nghiệp vụ liên quan đến tổ chức họp, họp trực tuyến, họp không giấy của Lãnh đạo UBND tỉnh, soạn thảo văn bản thông thường và văn bản mật của chuyên viên; yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và yêu cầu kết nối, tương thích với hạ tầng, hệ thống thông tin hiện có của Văn phòng UBND tỉnh, của tỉnh và của các cơ quan hành chính nhà nước.

### **4. Quy mô đầu tư và thời gian thực hiện**

Tổng mức đầu tư dự kiến của dự án là 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng chẵn) từ nguồn vốn đầu tư công ngân sách tỉnh; dự án nhóm C; thời gian thực hiện đầu tư dự án: năm 2026 - 2027.

## **II. Nội dung công việc**

Công tác chuẩn bị đầu tư gồm 02 nhiệm vụ thực hiện tuần tự: nhiệm vụ khảo sát (Mục 1) cung cấp số liệu hiện trạng, nhu cầu làm dữ liệu đầu vào cho nhiệm vụ lập Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật (Mục 2). Số thứ tự và tên các công việc tại Mục II được giữ thống nhất với khối lượng tham chiếu tại Mục III.

### **1. Nội dung khảo sát**

| STT | Nội dung khảo sát           | Mô tả, phạm vi, sản phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|-----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Xây dựng phương án khảo sát | Xác định mục tiêu, đối tượng, phương pháp, thời gian, tiến độ và tổ chức thực hiện khảo sát trên toàn bộ phạm vi đầu tư của dự án.                                                                                                                                                                                                 |
| 2   | Lập mẫu phiếu khảo sát      | Xây dựng bộ mẫu phiếu, biểu mẫu thu thập thông tin theo từng nhóm hạng mục (Nhóm I đến Nhóm IV), bảo đảm đủ các chỉ tiêu: chủng loại, số lượng, cấu hình, năm đưa vào sử dụng, tình trạng hoạt động; nhu cầu sử dụng; yêu cầu về an toàn thông tin, an ninh mạng; khả năng kết nối, tương thích với hệ thống hiện có.              |
| 3   | Khảo sát hiện trường        | Thực hiện khảo sát trực tiếp tại Văn phòng UBND tỉnh theo phương án và mẫu phiếu đã thống nhất, gồm:<br>a) Thiết bị phòng họp Tầng 3, Tầng 1, Hội trường, phòng Khánh tiết: màn hình LED, ti vi, hệ thống âm thanh, micro, hộp đại biểu, kết nối hình ảnh, họp trực tuyến;<br>b) Thiết bị đầu cuối: máy tính xách tay, máy tính để |

| STT | Nội dung khảo sát                                                     | Mô tả, phạm vi, sản phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                       | <p>bàn, máy tính bảng, máy in, máy photocopy, máy scan;</p> <p>c) Hạ tầng mạng: thiết bị chuyển mạch, mạng LAN, mạng không dây, tủ rack, hệ thống cáp, nguồn điện;</p> <p>d) Hiện trạng bản quyền hệ điều hành và phần mềm văn phòng;</p> <p>đ) Nhu cầu hợp không giấy của Lãnh đạo, nhu cầu soạn thảo văn bản mật của chuyên viên; yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và khả năng kết nối, tương thích với hệ thống hiện có.</p> |
| 4   | Tổng hợp, phân tích, đánh giá số liệu và lập Báo cáo kết quả khảo sát | <p>Tổng hợp, phân tích, đánh giá năng lực đáp ứng của trang thiết bị, hạ tầng mạng và bản quyền phần mềm hiện có so với yêu cầu vận hành, bảo mật, an toàn thông tin.</p> <p>Xác định chủng loại, số lượng, cấu hình thiết bị và các hạng mục cần đầu tư mới, thay thế trong phạm vi quy mô đã được phê duyệt chủ trương đầu tư.</p> <p>Lập Báo cáo kết quả khảo sát, làm cơ sở lập Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật.</p>                            |

## 2. Nội dung lập Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật

| STT | Nội dung công việc                                                                     | Chuyên gia đảm nhiệm                                        |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| 1   | Phân tích sự cần thiết đầu tư, điều kiện kinh tế - kỹ thuật, mục tiêu, nhiệm vụ đầu tư | Chuyên gia Phân tích nghiệp vụ<br>Chuyên gia Hệ thống CNTT  |
| 2   | Đánh giá sự tuân thủ Kiến trúc và Quy hoạch                                            | Chuyên gia Giải pháp Kiến trúc sư hệ thống                  |
| 3   | Thiết kế sơ bộ và xây dựng yêu cầu kỹ thuật                                            | Chuyên gia kỹ thuật phần mềm, Chuyên gia An toàn thông tin, |
| 4   | Lập phương án tổ chức quản lý, triển khai và vận hành                                  | Chuyên gia Quản lý dự án                                    |
| 5   | Lập Tổng mức đầu tư và phương án huy động vốn                                          | Chuyên gia Tài chính - Kế toán / Chuyên gia Lập dự toán.    |

| STT | Nội dung công việc                                    | Chuyên gia đảm nhiệm                        |
|-----|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------|
| 6   | Phân tích hiệu quả đầu tư và đánh giá tác động        | Chủ nhiệm lập báo cáo / Chuyên gia Kinh tế. |
| 7   | Hoàn thiện hồ sơ và bảo vệ Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật | Chủ nhiệm lập báo cáo (Tổng hợp chung).     |

### III. Đề xuất khối lượng, khảo sát, lập báo cáo kinh tế – kỹ thuật.

Văn phòng UBND tỉnh đề xuất khung khối lượng tham chiếu như sau, làm cơ sở kiểm tra, đánh giá tính hợp lý của báo giá. Khối lượng được xác định bằng số chuyên gia nhân với thời gian thực hiện (đơn vị: chuyên gia/ngày; 01 ngày làm việc tính đủ 08 giờ); số thứ tự và tên các công việc tại Mục này tương ứng với các công việc tại Mục II.

#### 1. Khối lượng khảo sát

| STT                                | Nội dung công việc                                                    | Số chuyên gia | Thời gian (ngày) | Khối lượng (chuyên gia/ngày) |
|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------|------------------|------------------------------|
| 1                                  | Xây dựng phương án khảo sát                                           | 1             | 3                | 3                            |
| 2                                  | Lập mẫu phiếu khảo sát                                                | 1             | 3                | 3                            |
| 3                                  | Khảo sát hiện trường                                                  | 2             | 6                | 12                           |
| 4                                  | Tổng hợp, phân tích, đánh giá số liệu và lập Báo cáo kết quả khảo sát | 1             | 3                | 3                            |
| <b>Tổng cộng (chuyên gia/ngày)</b> |                                                                       |               |                  | <b>21</b>                    |

#### 2. Khối lượng lập Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật

| STT | Nội dung công việc                                                                     | Số chuyên gia | Thời gian (ngày) | Khối lượng (chuyên gia/ngày) |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------------|------------------------------|
| 1   | Phân tích sự cần thiết đầu tư, điều kiện kinh tế - kỹ thuật, mục tiêu, nhiệm vụ đầu tư | 1             | 5                | 5                            |
| 2   | Đánh giá sự tuân thủ Kiến trúc và Quy hoạch                                            | 1             | 4                | 4                            |
| 3   | Thiết kế sơ bộ và xây dựng yêu cầu kỹ thuật                                            | 1             | 4                | 4                            |

| STT                                | Nội dung công việc                                    | Số chuyên gia | Thời gian (ngày) | Khối lượng (chuyên gia/ngày) |
|------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------|------------------|------------------------------|
| 4                                  | Lập phương án tổ chức quản lý, triển khai và vận hành | 1             | 5                | 5                            |
| 5                                  | Lập Tổng mức đầu tư và phương án huy động vốn         | 2             | 4                | 8                            |
| 6                                  | Phân tích hiệu quả đầu tư và đánh giá tác động        | 1             | 4                | 4                            |
| 7                                  | Hoàn thiện hồ sơ và bảo vệ Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật | 1             | 6                | 6                            |
| <b>Tổng cộng (chuyên gia/ngày)</b> |                                                       |               |                  | <b>36</b>                    |

#### **IV. Nguyên tắc xác định chi phí và trách nhiệm của các đơn vị tham gia**

##### **1. Căn cứ áp dụng định mức, đơn giá**

Việc xác định chi phí của từng nội dung công việc cấu thành dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và tổng mức đầu tư của dự án phải căn cứ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành thuộc ngành, lĩnh vực đang thực hiện, gồm:

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư công và các luật có liên quan; Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15 ngày 11/12/2025;

- Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 và Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số, trong đó khoản 3 Điều 44 và Điều 45 quy định về công tác khảo sát, lập Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật;

- Thông tư số 39/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định lập và quản lý chi phí trong hoạt động đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ cho chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước;

- Thông tư số 07/2026/TT-BNV ngày 05/5/2026 của Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu;

- Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông về định mức chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin - áp dụng tham khảo để đối chiếu, kiểm tra tính hợp lý của chi phí xác định theo phương pháp chuyên gia;

- Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 23/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công gắn với hạch toán kinh tế - xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư; Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và các Kế hoạch triển khai của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Quảng Trị.

## **2. Nguyên tắc xác định chi phí**

Việc xác định chi phí cấu thành tổng mức đầu tư của dự án phải bảo đảm:

a) Đồng bộ, logic: thống nhất phương pháp, đơn giá, hệ số giữa các nội dung công việc và các gói thầu; khối lượng tương ứng quy mô, mức độ phức tạp từng hạng mục.

b) Hiệu quả kinh tế - kỹ thuật: đáp ứng mục tiêu đầu tư với chi phí hợp lý nhất, bảo đảm chức năng, hiệu năng, an toàn thông tin và khả năng mở rộng.

c) Khả thi, tuân thủ pháp luật: phù hợp định mức, đơn giá của cơ quan có thẩm quyền; nội dung chưa có định mức phải thuyết minh phương pháp và cơ sở tính toán.

d) So sánh, vận dụng phù hợp: đối chiếu khung tham chiếu tại Mục III; chênh lệch lớn phải giải trình.

đ) Tiết kiệm, chống lãng phí: không đưa vào dự toán chi phí không có căn cứ hoặc vượt định mức; loại bỏ khối lượng, chi phí trùng lặp.

## **3. Trách nhiệm của các đơn vị tham gia**

Các đơn vị Tư vấn tham gia nộp hồ sơ năng lực và báo giá chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính trung thực, chính xác, hợp lý và hợp pháp đối với toàn bộ nội dung do đơn vị mình lập.

Đơn vị Tư vấn được lựa chọn chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chủ đầu tư về chất lượng sản phẩm tư vấn, về sự phù hợp của khối lượng, chi phí do mình lập với quy định của pháp luật hiện hành; có trách nhiệm giải trình, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ khi cơ quan có thẩm quyền hoặc Chủ đầu tư yêu cầu./.

---